

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

ASSESSMENT OF THE CURRENT STATUS OF PHYSICAL EDUCATION FOR NON-
PROFESSIONAL STUDENTS AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

ThS. Đào Thị Phương Chi - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Đánh giá thực trạng Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Thủ đô Hà Nội là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo theo tiến trình đổi mới giáo dục. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu thường quy để kiểm tra, đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên; cơ sở vật chất phục vụ dạy học; trình độ thể lực và kết quả học tập của sinh viên sau khi áp dụng chương trình Giáo dục thể chất theo nhu cầu đã được nhà trường triển khai trong những năm gần đây.

Từ khóa: Giáo dục thể chất, thực trạng, sinh viên không chuyên, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Abstract: Assessing the current status of Physical Education for nonspecialized students at Hanoi Metropolitan University is important regular task to improve training effectiveness according to the educational innovation process. The project uses routine research methods to examine and evaluate the current status of the teaching staff; facilities for teaching; Physical level and academic results of students after applying the Physical Education program according to demand of learners that has been implemented in recent years.

Keywords: Physical education, current situation, non-professional students, Hanoi Metropolitan University.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (ĐHTĐHN) đang trên đà phát triển với quy mô đào tạo đa ngành nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong giai đoạn mới. Quán triệt tinh thần “gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc”, việc đổi mới giáo dục đào tạo đã được triển khai mạnh mẽ và công tác giáo dục thể chất (GDTC) đã đặc biệt được quan tâm trong những năm gần đây.

Thực hiện đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát huy năng lực của người học, đào tạo theo nhu cầu xã hội, công tác GDTC của trường được tổ chức theo hình thức tự chọn nhằm tối ưu hóa hoạt động chuyên môn, phong phú về nội dung và hình thức học tập. Trong chương trình đào tạo, GDTC không chỉ là học phần bắt buộc mà còn là hoạt động ngoại khóa quan trọng, là phương tiện để nâng cao sức

khỏe, giáo dục ý thức đạo đức nghề nghiệp của sinh viên. Đa phần sinh viên đã nhận thức được vai trò của việc rèn luyện thể chất đối với sự phát triển toàn diện của bản thân để chuẩn bị sẵn sàng gia nhập lực lượng lao động xã hội. Việc thực hiện đề án GDTC theo nhu cầu người học đã nhận được sự hưởng ứng của đông đảo giảng viên và sinh viên trong trường. Để có cơ sở đánh giá thực trạng công tác GDTC trong những năm gần đây, chúng tôi đã tiến hành điều tra, thống kê điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên làm công tác GDTC của nhà trường; đánh giá chương trình đào tạo; kiểm tra đánh giá trình độ thể lực và kết quả học tập môn GDTC của sinh viên sau khi kết thúc học phần GDTC.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Quan sát sư phạm; Phỏng vấn; Kiểm tra sư phạm; Toán học thống kê.

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng công tác GDTC cho sinh viên không chuyên tại Trường ĐHTĐHN

2.1.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN

Cùng với sự phát triển không ngừng về quy mô, yêu cầu và chất lượng công tác đào tạo, đội ngũ giáo viên cũng không ngừng được củng cố, phát triển. Thực trạng đội ngũ giáo viên GDTC Khoa học Thể thao và Sức khỏe trường ĐHTĐHN được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC cơ hữu trường Đại học Thủ đô Hà Nội năm học 2022 – 2023 (n=20)

Đặc điểm	Giới tính		Thâm niên		Trình độ			Chuyên ngành	
	Nam	Nữ	Trên 10 năm	Dưới 10 năm	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	GDTC	Khác
Số lượng	16	4	18	2	4	16	0	20	0
Tỉ lệ (%)	80.0	20.0	90.0	10.0	20.0	80.0	0.00	100.0	56.25
Tỷ lệ giảng viên GDTC/Sinh viên không chuyên: 1/320									

Qua bảng 1 cho thấy, về số lượng và trình độ, đội ngũ giảng viên GDTC của trường đã đảm bảo chuẩn hóa theo quy định, phần lớn giảng viên đã tham gia các khoá đào tạo về trọng tài quốc gia và tập huấn chuyên môn các môn thể thao do các liên đoàn, hiệp hội thể thao tổ chức. Tuy nhiên, với việc không ngừng tăng cường quy mô và ngành nghề đào tạo cùng với yêu cầu cải tiến nội dung chương trình giảng dạy của nhà trường theo hướng tự

chọn, phát huy năng lực của người học, đáp ứng nhu cầu xã hội thì việc bổ sung về số lượng cũng như nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên GDTC vẫn đang là vấn đề cần sớm được giải quyết.

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác GDTC tại các cơ sở của nhà trường. Kết quả được trình bày ở bảng 2 và 3 dưới đây.

Bảng 2. Thực trạng về cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ phục vụ công tác GDTC tại trường ĐHTĐHN

TT	Sân bãi - dụng cụ	Số lượng	Chất lượng (ước tính theo khấu hao)	Địa điểm
1	Bàn bóng bàn	10	40%	Nhà thể chất cơ sở 1; 2; 4
2	Đường chạy 10 m	03	50%	Sân cơ sở 2 và 4
3	Đệm nhảy cao	06	40%	40%
4	Hố nhảy xa	03	40%	Sân đất cơ sở 2; 4
5	Khu vực đẩy tạ	02	40%	Sân đất cơ sở 2; 3
6	Sân đá cầu	16	40%	Sân xi măng
7	Sân bóng chuyền	06	40%	Sân xi măng cơ sở 2; 3; 4
8	Sân bóng rổ	06	40%	Sân xi măng cơ sở 1; 2; 4
9	Sân cầu lông	13	40%	Sân xi măng
10	Xà kép	01	20%	Nhà thể chất cơ sở 1
11	Xà lệch	01	50%	Nhà thể chất cơ sở 1
12	Phòng tập	04	40%	Nhà thể chất cơ sở 1; 2; 4
Tổng diện tích dành cho tập luyện: 3500m²				

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Qua bảng 2 cho thấy, cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ phục vụ cho công tác giảng dạy học tập nội khoá và ngoại khoá hiện còn đang rất thiếu về số lượng, chủng loại và chưa đảm bảo về chất lượng. Việc tổ chức hoạt động GDTC tại bốn cơ sở nằm ở cả nội và ngoại thành Hà Nội cũng gây khó khăn không nhỏ cho việc giảng dạy, học tập GDTC. Thực trạng

này cho thấy, để đảm bảo tổ chức GDTC theo nhu cầu cần có hướng liên kết với các cơ sở có sân bãi, phòng tập đủ tiêu chuẩn, tăng cường thực tế chuyên môn, thành lập các câu lạc bộ TDTT, triển khai đề án xây dựng các công trình TDTT hiện đại, đồng bộ, đúng tiêu chuẩn.

Bảng 3. Thực trạng về dụng cụ tập luyện phục vụ công tác GDTC tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội

TT	Dụng cụ tập luyện	Số lượng	Tỷ lệ dụng cụ/sinh viên	Ghi chú
1	Bóng đá (quả)	30	1/3	Trang bị theo năm học
2	Bóng chuyền (quả)	40	1/4	Trang bị theo năm học
3	Bóng rổ (quả)	90	1/3	Trang bị theo năm học
4	Cột + lưới cầu lông (bộ)	13	1/5	Cả cột tự chế
5	Vợt cầu lông (cái)	90	1/3	Trang bị theo nhu cầu thực tế
6	Quả cầu lông (quả)	400	1/3	Trang bị theo học kỳ
7	Vợt bóng bàn (cái)	40	1/2	Trang bị theo nhu cầu thực tế
8	Quả bóng bàn (quả)	30	1/3	Trang bị theo học kỳ
9	Dụng cụ nhảy cao (bộ)	03	1/4	Trang bị theo nhu cầu thực tế

Kết quả bảng trên 3 cho thấy, dụng cụ tập luyện phục vụ giảng dạy cho sinh viên đã bước đầu được đảm bảo với lưu lượng khoảng 30 sinh viên /1 lớp. Phương tiện, dụng cụ tập luyện được tối ưu hóa qua hình thức tổ chức tập luyện luân phiên, giúp giảm mật độ và tăng cường khả năng tiếp thu kỹ thuật động tác và rèn luyện thể lực của sinh viên.

Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần GDTC cho sinh viên không chuyên đã tuân thủ tính pháp lý theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Nghị định số 11/2015/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT đồng thời tuân thủ các quyết định đã ban hành của Trường ĐHTĐHN.

2.1.2. Thực trạng chương trình GDTC cho sinh viên không chuyên Trường ĐHTĐHN

Bảng 4. Phân phối chương trình GDTC đại trà

Học phần	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức
1	1. Kiến thức cơ bản	30	Nội dung bắt buộc với tất cả sinh viên
	2. Đội hình đội ngũ		
	3. Bài thể dục tay không liên hoàn 32 động tác		
	4. Nhảy dây		
	5. Bài thể dục với gậy 32 nhịp		
2	1. Taekwondo	30	Sinh viên tự chọn 1 trong 3 nội dung
	2. Dancesport		
	3. Bóng rổ		

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Học phần	Nội dung	Thời gian (tiết)	Hình thức
3	1. Bóng chuyền	30	Sinh viên tự chọn 1 trong 3 nội dung
	2. Bóng bàn		
	3. Cầu lông		

Chương trình GDTC đại trà (theo mô hình truyền thống) có thời lượng thiểu là 3 tín chỉ (90 tiết), nội dung gồm 3 học phần, giảng dạy trong 3 học kỳ. Phần lý thuyết có thể tách riêng thành 1 tín chỉ (15 tiết), hoặc lồng ghép với phần thực hành. Phần thực hành có thời lượng tối thiểu 75 tiết, nội dung gồm các môn bắt buộc (Điền kinh, Thể dục).

Bảng 5. Phân phối chương trình GDTC theo nhu cầu

TT	Nội dung	Thời gian (tiết)	Học phần	Hình thức
1	Bóng chuyền	30 + 30 + 30	1 + 2 + 3	Sinh viên tự chọn 1 trong 16 nội dung (môn thể thao)
2	Bóng rổ			
3	Bóng đá			
4	Cầu lông			
5	Bóng bàn			
6	Bóng ném			
7	Tennis			
8	Đá cầu			
9	Thể dục nhịp điệu			
10	Thể dục thẩm mỹ			
11	Khiêu vũ thể thao			
12	Karatedo			
13	Taekwondo			
14	Vovinam			
15	Võ cổ truyền dân tộc			
16	Bơi			

Chương trình GDTC tự chọn (GDTC theo nhu cầu) có thời lượng thiểu là 3 tín chỉ (90 tiết), nội dung chỉ có phần tự chọn, giảng dạy trong 3 học kỳ. Phần lý thuyết có thể tách riêng thành 1 tín chỉ (15 tiết), hoặc lồng ghép với phần thực hành. Phần thực hành có thời lượng tối thiểu 75 tiết, nội dung là tự chọn 1 trong 16 môn thể thao. Việc triển khai giảng dạy các môn thể thao theo nhu cầu vừa phù hợp với xu hướng lựa chọn của giới trẻ, thuận tiện, hiệu quả trong khâu tổ chức, vừa phát huy các loại hình hoạt động thể chất đa dạng phong phú, là tiền đề để thu hút đông đảo sinh viên theo học, phù hợp với mục tiêu phát huy năng lực người học, phát huy năng lực của đội ngũ giảng viên. Đồng thời, việc đổi mới là động lực để hoàn thiện các quy chế, giải pháp

tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu người học theo định hướng tự chủ.

2.2. Đánh giá kết quả GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN

Sau quá trình triển khai, chương trình GDTC theo nhu cầu được đông đảo sinh viên lựa chọn (tỷ lệ trung bình là 80%). Để đánh giá hiệu quả chương trình GDTC chúng tôi đã tiến hành kiểm tra trình độ thể lực chung của sinh viên trước và sau khi thực hiện chương trình GDTC đại trà và GDTC theo nhu cầu theo kế hoạch giảng dạy. Để đánh giá kết quả GDTC cho sinh viên, đề tài căn cứ vào kết quả kiểm tra thể lực và kết quả thi kết thúc học phần GDTC. Kết quả kiểm tra trình độ thể lực chung của hai nhóm sinh viên trước và sau khi

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

học theo chương trình GDTC đại trà và GDTC trình bày ở bảng 6 và bảng 7. theo nhu cầu (trước và sau thực nghiệm) được

Bảng 6. Kết quả kiểm tra thể lực của sinh viên trước và sau thực nghiệm chương trình GDTC đại trà (n=200)

TT	Nội dung	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	t	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
Nam (n = 43)					
1	Chạy 30m xuất phát cao (s)	5.59±0.50	5.19±0.49	2.65	<0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.92±0.95	12.40±0.96	2.27	<0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	208.94±17.82	216.88±13.22	3.54	<0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	952.35±76.39	1006.17±63.72	5.16	<0.05
Nữ (n = 157)					
1	Chạy 30m xuất phát cao (s)	6.63±0.62	6.27±0.52	2.18	<0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.95±1.03	12.26±0.83	2.83	<0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	154.34±11.21	160.12±10.02	2.97	<0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	895.88±65.91	906.64±58.33	2.73	<0.05

Kết quả bảng 6 cho thấy thể lực chung nghĩa thống kê ở ngưỡng P<0.05. Điều này đã của nhóm sinh viên học GDTC đại trà trước và chứng minh hiệu quả của chương trình GDTC sau thực nghiệm có sự khác biệt ở cả sinh viên đại trà đối với sự phát triển thể lực của sinh viên nam và sinh viên nữ. Tại bốn nội dung kiểm tra đều có t tính > t bảng, sự khác biệt có ý

Bảng 7. Kết quả kiểm tra thể lực của sinh viên trước và sau thực nghiệm chương trình GDTC theo nhu cầu (n=200)

TT	Nội dung	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	t	P
		$\bar{x} \pm \delta$	$\bar{x} \pm \delta$		
Nam (n = 32)					
1	Chạy 30m xuất phát cao (s)	5.58±0.52	5.21±0.48	2.04	<0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.89±0.97	12.37±0.92	2.29	<0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	211.04±17.82	217.25±14.12	2.84	<0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	962.27±77.31	1006.17±64.03	4.38	<0.05
Nữ (n = 168)					
1	Chạy 30m xuất phát cao (s)	6.47±0.62	6.21±0.53	2.04	<0.05
2	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.84±9.08	12.17±0.84	2.65	<0.05
3	Bật xa tại chỗ (cm)	155.01±11.19	161.03±10.06	2.92	<0.05
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	897.67±64.51	908.46±59.30	2.69	<0.05

Kết quả bảng 7 cho thấy thể lực chung đối với trình độ thể lực của sinh viên sau khi của cả sinh viên nam và sinh viên nữ tại bốn hoàn thành học phần.

nội dung kiểm tra sau khi học GDTC đại trà có sự khác biệt so với trước khi học với t tính > t bảng, ở ngưỡng P<0.05. Điều này đã khẳng định Tiếp theo, đề tài xếp loại kết quả kiểm tra thể lực và kết quả thi kết thúc học phần GDTC của hai nhóm sinh viên sau khi thực hiện chương trình GDTC trong bảng 8 và 9.

Bảng 8. Xếp loại thể lực của sinh viên sau thực nghiệm

Đối tượng	Xếp loại	Chạy 30m XPC (s)		Chạy con thoi 4x10m (s)		Bật xa tại chỗ (cm)		Chạy tuýt sức 5 phút (m)		
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	
GDTC đại trà	Nam (43)	Tốt	5	11.6	7	16.3	8	18.6	5	11.6
		Đạt	35	81.4	32	74.4	32	74.4	34	79.1
		K.đạt	3	7.0	4	9.3	3	7.0	4	9.3
	Nữ (157)	Tốt	19	12.1	21	13.4	15	9.6	14	8.9
		Đạt	129	82.2	126	80.2	128	81.5	125	79.6
		K.đạt	9	5.7	10	6.4	14	8.9	18	11.5
GDTC theo nhu cầu	Nam (32)	Tốt	6	18.8	5	15.6	5	15.6	6	18.8
		Đạt	25	78.1	24	75.0	25	78.1	24	75.0
		K.đạt	1	3.1	3	9.4	2	6.2	2	6.2
	Nữ (168)	Tốt	22	13.1	26	15.5	23	13.7	19	11.3
		Đạt	138	82.1	135	80.3	137	81.5	139	82.7
		K.đạt	8	4.8	7	4.2	8	4.8	10	6.0

Bảng 8 cho thấy xếp loại thể lực chung sau khi học GDTC của sinh viên theo các nội dung kiểm tra có tỉ lệ “Tốt” và “Đạt” ở mức cao, tỉ lệ “Không đạt” dưới 10%.

Bảng 9. Kết quả xếp loại điểm học phần GDTC của sinh viên

Nhóm	Giới tính	Khá, Giỏi		Trung bình		Yếu, Kém	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
Giáo dục thể chất đại trà (n=200)	Nam (43)	10	23.3	32	74.4	1	2.3
	Nữ (157)	30	19.1	124	79.0	3	1.9
Giáo dục thể chất theo nhu cầu (n=200)	Nam (32)	9	28.1	23	71.9	0	0.0
	Nữ (168)	34	20.2	133	79.2	1	0.6

Bảng 9 cho thấy ở cả sinh viên nam và nữ, theo chương trình GDTC đại trà và GDTC theo nhu cầu có tỉ lệ sinh viên xếp loại học tập ở mức “Khá, Giỏi” chiếm 19.1 đến 23.3%; chủ yếu sinh viên đạt điểm ở mức “Trung bình” với tỉ lệ 71.9-79.2; sinh viên có điểm “Yếu, Kém” chiếm tỉ lệ rất nhỏ (<2.3%). Đây là kết quả rất tốt so với điểm học phần GDTC của sinh viên ở giai đoạn trước đây, khi nhà trường chưa đổi mới chương trình GDTC với nhiều nội dung cho sinh viên lựa chọn theo nhu cầu.

GDTC đại trà và chương trình GDTC theo nhu cầu.

- Đề tài đã đánh giá được hiệu quả của chương trình GDTC đại trà và GDTC theo nhu cầu đối với sự phát triển thể lực của sinh viên sau khi kết thúc học phần. Kết quả kiểm tra thể lực chung của sinh viên nam và nữ tốt hơn hẳn so với trước khi học GDTC. Sự khác biệt của các nội dung kiểm tra có ý nghĩa thống kê với $P < 0.05$ ở tất cả các nội dung kiểm tra. Thể lực chung của nhóm sinh viên nam và nữ sau khi hoàn thành chương trình GDTC đại trà không có sự khác biệt so với nhóm sinh viên sau khi hoàn thành chương trình GDTC theo nhu cầu với $P > 0.05$ ở tất cả các nội dung kiểm tra.

3. KẾT LUẬN

- Đề tài đã xác định được thực trạng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và tổ chức thực nghiệm mô hình GDTC không chuyên tại Trường ĐHTĐHN đồng thời theo chương trình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên, Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008.

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*, Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT.

3. Đỗ Ngọc Hanh (2022), “*Phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới*”. Tạp chí Cộng sản, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825501/phet-trien-van-hoa%2C-con-nguoi-viet-nam-thoi-ky-moi.aspx.

4. Thủ Tướng Chính phủ (2012), *Chương trình Giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường*. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP.

5. Trường ĐHTĐHN (2013), *Hướng dẫn điều chỉnh mục tiêu đào tạo, và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 40*. Công văn số 2098/ĐHTĐHN ngày 8 tháng 11 năm 2013.

Nguồn bài báo: Phạm Đông Đức và cộng sự (2023). Bài báo được trích từ đề tài cấp cơ sở: “*Giải pháp nâng cao chất lượng công tác Giáo dục thể chất đại trà cho sinh viên không chuyên trường Đại học Thủ đô Hà Nội*”. Đề tài đã được Hội đồng khoa học nghiệm thu tháng 6/2023.

Ngày nhận bài: 25/01/2024; Ngày đánh giá: 10/02/2024; Ngày duyệt đăng: 15/02/2024.